TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/202/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 6 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Văn Anh Trình,
2. Ông Trần Minh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLST- HNGĐ ngày 10/4/2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/5/2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hoài T, sinh năm 2001,
Địa chỉ: Thôn Tân H, xã H, huyện Q, tỉnh Q, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1987,
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 10/3/2023, bản tự khai ngày 21/4/2023 cũng như biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hoài T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành T trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh Q vào ngày 22/9/2020. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống làm ăn cùng bố mẹ anh T ở thôn Tân H, xã H, huyện Q, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống, do không hợp tính tình nên vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc nên thường gây gỗ, xúc phạm nhau hơn nữa anh T có quan hệ tình cảm với người khác nên buộc tôi phải đưa con về sống với bố mẹ tại thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Q từ tháng 01/2023 cho đến nay, vợ chồng chấm dứt quan hệ, không còn ai còn quan tâm

đến ai. Hiện tại chị T xác định tình cảm giữa chị và anh T thực sự đã hết và một mực yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T qua biên bản lấy lời khai, phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Anh trình bày: Giữa anh và chị Lê Thị Hoài T xác định tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn khắc phục được, mặc dù mâu thuẫn do tôi làm nghề lái xe Tacxi thường xuyên vắng nhà, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt dần nên cô T bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 01/2023 cho đến nay. Tòa án cũng đã hòa giải mà chị T vẫn cương quyết ly hôn, Anh đã có thiện chí và thay đổi nhưng cô ấy vẫn không bằng lòng mà thể hiện căng thẳng hơn nên anh không có phương pháp gì để níu kéo. Tại phiên tòa anh khẳng định lại, tình cảm vợ chồng hiện nay thực sự đã hết và nhất trí ly hôn.

Con chung: Chị T, anh T thống nhất thừa nhận vợ chồng có con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 20/12/2020, hiện tại con đang sống với chị T; ly hôn chị T và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con vì ai cũng đủ khả năng và điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T, anh T thống nhất thừa nhận vợ chồng vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55; các điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Hoài T và anh Nguyễn Thành T; về con chung: Giao con cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không có, nên không đề nghị xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổ chức hoà giải nhằm tạo điều kiện cho các đương sự tự thoả thuận với nhau để đi đến thống nhất giải quyết vụ án, song không có kết quả, vì vậy Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị Hoài T yêu cầu giải quyết ly hôn anh Nguyễn Thành T có địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Q và giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Vì vậy xác định quan hệ tranh

chấp giữa các bên "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Lê Thị Hoài T và anh Nguyễn Thành T có đăng ký kết hôn ngày 22/9/2020 tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh Q là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chi T nghi ngờ anh T có quan hệ tình cảm với người khác, anh T thì cho rằng mình không có ngoại tình, anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn gia đình đổ vỡ ảnh hưởng đến tương lai của con, anh cũng mong muốn chị T cho anh cơ hội để sửa chữa sai lầm nhưng anh không có động thái gì để hàn gắn tình cảm, mặc dù chị T cũng đã tạo cơ hội cho anh để thay đổi nhưng không có kết quả, hiện tại không ai còn quan tâm đến ai. Qua đó, chứng tỏ anh T không muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ. Từ đó, vợ chồng mất lòng tin về nhau nên dẫn đến mất mát tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, vợ chồng chấm dứt quan hệ. Cả chị T và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Chị T, anh T thống nhất vợ chồng có con chung Nguyễn Minh A, sinh ngày 20/12/2020: Chị T, anh T đều có nguyện vọng được nuôi con, nhưng hiện nay con đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ; về cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên việc cấp dưỡng hàng tháng anh, chị không không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử cần xử giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tạm thời chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị khả năng và đủ điều kiện nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành, là phù hợp với các điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Chị T, anh T thống nhất thừa nhận vợ chồng vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Hoài T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; các điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Hoài T và anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Xử, giao chị Lê Thị Hoài T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Minh A, sinh ngày 20/12/2020; về cấp dưỡng nuôi con, tạm thời chị Thương không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị khả năng và đủ điều kiện nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0004068 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2023).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Hiền Ninh;
- Lưu: HS; VP.

Nguyễn Văn Châu